

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THÔNG TƯ**  
**Quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân**

Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

*Căn cứ Luật căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.<sup>1</sup>*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về nguyên tắc, trình tự thực hiện cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

---

<sup>1</sup> Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.”*

1. Cán bộ làm công tác cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.
2. Công an các đơn vị, địa phương.
3. Tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

### **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân**

1. Tuân thủ quy định của Luật căn cước công dân, quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công dân khi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, bảo đảm khách quan, nhanh chóng, kịp thời.
3. Cán bộ làm công tác cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc hướng dẫn, trả lời công dân hoặc các đề xuất của mình.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ CẤP, ĐỔI, CẤP LẠI THẺ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN**

#### **Điều 4. Tiếp nhận hồ sơ**

1.<sup>2</sup> Khi tiếp công dân đến làm thủ tục đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, cán bộ tiếp công dân yêu cầu người đến làm thủ tục viết Tờ khai căn cước công dân theo mẫu (nếu không kê khai trực tuyến) hoặc in Tờ khai căn cước công dân mà công dân đã kê khai trên trang thông tin điện tử dịch vụ công trực tuyến để công dân kiểm tra lại thông tin, ký, ghi rõ họ, chữ đệm và tên.

Cán bộ tiếp công dân đối chiếu thông tin trên Tờ khai căn cước công dân với thông tin trên các giấy tờ công dân xuất trình. Nếu thông tin kê khai đúng quy định thì tập hợp thành hồ sơ và thực hiện theo khoản 2 Điều này. Nếu thông tin kê khai không đúng quy định thì hướng dẫn công dân kê khai lại Tờ khai căn cước công dân.

Trường hợp công dân làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân tại cơ quan quản lý căn cước công dân cấp huyện cần điều chỉnh những thay đổi trong Sổ hộ khẩu mà việc điều chỉnh này thuộc thẩm quyền của Công an cấp huyện và công dân xuất trình đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định của pháp luật về cư trú thì tiếp nhận hồ sơ điều chỉnh những thay đổi trong Sổ hộ khẩu của công dân đồng thời với việc tiếp nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

2. Cán bộ tiếp công dân đối chiếu thông tin trong hồ sơ của công dân đến làm thủ tục với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và giải quyết như sau:

---

<sup>2</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

a) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thì thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

b) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thông tin chưa đầy đủ, chính xác thì hướng dẫn công dân bổ sung hoặc kê khai lại. Nếu thiếu giấy tờ liên quan theo quy định thì hướng dẫn bằng văn bản cho công dân, ghi rõ nội dung cần bổ sung. Khi đã bổ sung đầy đủ thì thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

c) Trường hợp qua đối chiếu thông tin thấy không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho công dân và ghi rõ lý do vào Tờ khai căn cước công dân.

d) Trường hợp công dân chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu công dân xuất trình các giấy tờ hợp pháp về những thông tin cần ghi trong Tờ khai căn cước công dân để đối chiếu. Sau khi đối chiếu thấy chính xác thì thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định.

### **Điều 5. Thu nhận thông tin**

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, cán bộ chịu trách nhiệm thu nhận thông tin thực hiện như sau:

1.<sup>3</sup> Thu Chứng minh nhân dân, cắt góc, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và trả lại cho công dân đối với những trường hợp công dân đăng ký nhận thẻ Căn cước công dân qua đường chuyển phát đến địa chỉ theo yêu cầu.

Đối với Chứng minh nhân dân bị hỏng, bong tróc, không rõ nét thì thu, hủy Chứng minh nhân dân đó và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

2.<sup>4</sup> Nhập thông tin về loại cấp thẻ Căn cước công dân, thông tin nhân thân của công dân trực tiếp từ Tờ khai căn cước công dân hoặc qua thiết bị thu nhận thông tin (đối với trường hợp công dân đăng ký trực tuyến); tả và nhập thông tin về đặc điểm nhân dạng của công dân.

3. Thu nhận vân tay của công dân: Thu nhận vân tay chụm của 4 ngón bàn tay phải; vân tay chụm của 4 ngón bàn tay trái; vân tay của 2 ngón cái.

Trường hợp nếu không thu nhận được đủ 10 vân tay của công dân thì mô tả và nhập thông tin về tình trạng vân tay không thu nhận được.

4. Chụp ảnh chân dung của công dân.

---

<sup>3</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

<sup>4</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

5. In Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân, chuyển cho công dân kiểm tra, ký, ghi rõ họ tên và cán bộ thu nhận thông tin kiểm tra, ký, ghi rõ họ tên.

Trường hợp công dân có điều chỉnh thông tin so với thông tin trong hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân trước đây hoặc thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân thì phải nhập thông tin về căn cứ, nội dung điều chỉnh và in Phiếu điều chỉnh thông tin căn cước công dân, chuyển cho công dân kiểm tra, ký, ghi rõ họ tên. Cán bộ thu nhận thông tin ký, ghi rõ họ tên vào Phiếu này và lưu vào hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

6. Thu lệ phí đối với trường hợp đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân theo quy định.

7. Giao giấy hẹn trả kết quả giải quyết cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho công dân.

8.<sup>5</sup> Cán bộ chịu trách nhiệm thu nhận thông tin cuối ca hoặc cuối buổi tiếp dân, bàn giao hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho cán bộ phân loại hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân; chuyển hồ sơ điều chỉnh những thay đổi trong Sổ hộ khẩu của công dân (nếu có) cho bộ phận đăng ký, quản lý cư trú để thực hiện điều chỉnh cho công dân theo quy định.

#### **Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cần tra cứu tàng thư căn cước công dân**

1. Các trường hợp cần tra cứu gồm:

a) Chứng minh nhân dân bị mất hoặc hư hỏng đến mức không thể xác định được đầy đủ nội dung các thông tin trên Chứng minh nhân dân;

b) Khi cần xác minh, đối chiếu thông tin về công dân trong tàng thư căn cước công dân theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

2. Hồ sơ tra cứu gồm: Phiếu giao nhận hồ sơ, Tờ khai căn cước công dân, Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân.

3. Duyệt hồ sơ cần tra cứu:

a) Tại Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Công an cấp huyện):

- Trường hợp cần tra cứu tàng thư trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Đội trưởng Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội duyệt hồ sơ cần tra cứu và gửi Đội tàng thư căn cước công dân thuộc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội để tra cứu.

---

<sup>5</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

- Trường hợp cần tra cứu tàng thư ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Trưởng Công an cấp huyện chuyển hồ sơ cần tra cứu đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nơi cần tra cứu.

b) Tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội:

- Trường hợp cần tra cứu tàng thư trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Đội trưởng Đội hướng dẫn quản lý cư trú; cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân (Chứng minh nhân dân) và giấy tờ đi lại khác hoặc Đội trưởng Đội cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân (Chứng minh nhân dân) và giấy tờ đi lại khác (sau đây gọi chung là Đội trưởng Đội căn cước công dân) chuyển hồ sơ cần tra cứu đến Đội tàng thư căn cước công dân thuộc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội để tra cứu.

- Trường hợp cần tra cứu tàng thư ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chuyển hồ sơ cần tra cứu đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp tỉnh) nơi cần tra cứu.

c) Tại Trung tâm căn cước công dân quốc gia: Giám đốc Trung tâm căn cước công dân quốc gia chuyển hồ sơ cần tra cứu đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nơi cần tra cứu.

4. Đơn vị nhận được yêu cầu tra cứu có trách nhiệm tra cứu theo nội dung, thời hạn tra cứu và gửi kết quả tra cứu cho đơn vị yêu cầu.

5. Khi nhận được kết quả tra cứu, phải đối chiếu, so sánh với thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân và xử lý như sau:

a) Trường hợp xác định các thông tin của công dân là phù hợp thì thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

b) Trường hợp xác định thông tin của công dân không phù hợp thì thực hiện các biện pháp xác minh, xử lý theo quy định và yêu cầu công dân khai lại hồ sơ theo quy định chung.

## **Điều 7. Xử lý, duyệt hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân**

### **1. Tại Công an cấp huyện**

a) Cán bộ được phân công phân loại hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân tiến hành phân loại hồ sơ đủ điều kiện và không đủ điều kiện, lập văn bản đề xuất Đội trưởng Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

b) Đội trưởng Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội kiểm tra các hồ sơ đủ điều kiện và báo cáo Trưởng Công an cấp huyện; đối với các hồ sơ không đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho công dân.

c) Trưởng Công an cấp huyện kiểm tra kết quả xử lý hồ sơ và duyệt các hồ sơ đủ điều kiện cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

d) Sau khi hồ sơ đã được Trưởng Công an cấp huyện duyệt, Đội trưởng

Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chuyên dữ liệu điện tử đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân lên Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội:

a) Đối với dữ liệu điện tử cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân do Công an cấp huyện chuyển lên thì thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

b) Đối với hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân do Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trực tiếp tiếp nhận thì thực hiện như sau:

- Cán bộ được phân công phân loại hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân tiến hành phân loại hồ sơ đủ điều kiện và không đủ điều kiện, lập văn bản đề xuất Đội trưởng Đội căn cước công dân.

- Đội trưởng Đội căn cước công dân kiểm tra các hồ sơ đủ điều kiện và báo cáo Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; đối với các hồ sơ không đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho công dân.

c) Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội kiểm tra kết quả xử lý hồ sơ và duyệt các hồ sơ đủ điều kiện cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

d) Sau khi hồ sơ đã được Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội duyệt, Đội trưởng Đội căn cước công dân thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

3. Tại Trung tâm căn cước công dân quốc gia:

a) Đối với dữ liệu điện tử cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân do Công an các địa phương chuyển lên thì thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

b) Đối với hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân do Trung tâm căn cước công dân quốc gia trực tiếp tiếp nhận thì thực hiện như sau:

- Cán bộ được phân công phân loại hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân tiến hành phân loại hồ sơ đủ điều kiện và không đủ điều kiện, lập văn bản đề xuất Giám đốc Trung tâm căn cước công dân quốc gia.

- Giám đốc Trung tâm căn cước công dân quốc gia kiểm tra kết quả xử lý hồ sơ và duyệt hồ sơ đủ điều kiện cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân; đối với hồ sơ không đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho công dân.

- Sau khi hồ sơ đã được Giám đốc Trung tâm căn cước công dân quốc gia duyệt thì thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

**Điều 8. Xử lý dữ liệu điện tử đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Sau khi tiếp nhận dữ liệu điện tử đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, Đội trưởng Đội căn cước công dân thực hiện như sau:

1. Thẩm định dữ liệu điện tử đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công

dân, báo cáo Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội về kết quả thẩm định. Đối với trường hợp đủ điều kiện cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này; đối với trường hợp đủ điều kiện nhưng thông tin chưa đầy đủ, chính xác hoặc trường hợp không đủ điều kiện thì xem xét phê duyệt trả dữ liệu điện tử cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho nơi đã chuyển dữ liệu<sup>6</sup> để xử lý theo quy định tại điểm b, c, đ Khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

2. Chuyển dữ liệu điện tử đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân hợp lệ lên Trung tâm căn cước công dân quốc gia.

**Điều 9. Xử lý dữ liệu điện tử đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân tại Trung tâm Căn cước công dân quốc gia<sup>7</sup>**

Cán bộ tiếp nhận, xử lý dữ liệu đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân thực hiện:

1. Đối với trường hợp đề nghị cấp thẻ Căn cước công dân thì chuyển dữ liệu của người đề nghị cấp thẻ sang bộ phận cấp số định danh cá nhân để cấp số thẻ Căn cước công dân hoặc thẩm định số định danh cá nhân nếu công dân có kê khai số định danh cá nhân.

2. Đối sánh để kiểm tra vân tay trong dữ liệu đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân với vân tay trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân:

a) Đối với trường hợp cấp thẻ Căn cước công dân: Nếu vân tay của công dân chưa có trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này. Nếu vân tay của công dân có trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân thì trả lại dữ liệu cho nơi đã chuyển dữ liệu; lập văn bản báo cáo Giám đốc Trung tâm căn cước công dân quốc gia đề xuất Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội xử lý theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

b) Đối với trường hợp đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân: Nếu vân tay trong dữ liệu trùng khớp với vân tay của công dân đã được lưu trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này. Nếu vân tay trong dữ liệu không trùng khớp với vân tay của công dân đã được lưu trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân thì trả lại dữ liệu cho nơi đã chuyển dữ liệu; lập văn bản báo cáo Giám đốc Trung tâm căn cước công dân quốc gia đề xuất Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội xử lý theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

<sup>6</sup> Cụm từ “nơi làm thủ tục” được thay thế bởi cụm từ “nơi đã chuyển dữ liệu” theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

<sup>7</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

3. Kiểm tra các thông tin nhân thân của công dân với thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân:

a) Trường hợp thông tin của công dân là đúng quy định thì lập văn bản báo cáo Giám đốc Trung tâm căn cước công dân quốc gia đề xuất Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội phê duyệt cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

b) Trường hợp thông tin của công dân không đúng hoặc không đầy đủ theo quy định về cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân thì trả lại dữ liệu cho nơi đã chuyển dữ liệu; lập văn bản báo cáo Giám đốc Trung tâm căn cước công dân quốc gia đề xuất Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội xử lý theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

### **Điều 10. Phê duyệt cấp, đổi, cấp lại và in hoàn chỉnh thẻ Căn cước công dân**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội<sup>8</sup> về dân cư phê duyệt cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

2. Ngày cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân là ngày Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội<sup>9</sup> phê duyệt cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

3. Giám đốc Trung tâm căn cước công dân quốc gia tổ chức in hoàn chỉnh thẻ Căn cước công dân sau khi đã được phê duyệt.

### **Điều 11. Trả thẻ Căn cước công dân và kết quả giải quyết cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân<sup>10</sup>**

1. Trung tâm căn cước công dân quốc gia có trách nhiệm:

a) Trả thẻ Căn cước công dân cho đơn vị tiếp nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân ban đầu;

b) Trả dữ liệu kết quả giải quyết cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nơi đã chuyển dữ liệu;

---

<sup>8</sup> Cụm từ “Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư” được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội” theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

<sup>9</sup> Cụm từ “Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư” được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội” theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

<sup>10</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.



c) Cập nhật dữ liệu kết quả phê duyệt cấp thẻ Căn cước công dân, thông tin của công dân cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kiến nghị hủy số định danh cá nhân (nếu có) theo quy định.

2. Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nhận dữ liệu kết quả phê duyệt cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân được trả về để quản lý theo quy định và trả dữ liệu kết quả phê duyệt cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho nơi đã chuyển dữ liệu.

3. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân ban đầu có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, cập nhật dữ liệu kết quả phê duyệt cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân được trả về để quản lý theo quy định;

b) Tiếp nhận Sổ hộ khẩu đã được điều chỉnh từ bộ phận đăng ký, quản lý cư trú để trả lại cho công dân (nếu có);

c) Trả thẻ Căn cước công dân, Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân (nếu có), Sổ hộ khẩu (nếu có); thu, cắt góc và trả lại Chứng minh nhân dân cho công dân theo quy định (nếu có).

Đối với công dân có đăng ký trả kết quả tại địa chỉ theo yêu cầu thì bàn giao thẻ Căn cước công dân, Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân (nếu có), Sổ hộ khẩu (nếu có) cho đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển phát để trả cho công dân.

d) Chuyển hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân về tàng thư căn cước công dân theo quy định.

## **Điều 12. Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân**

1. Công an cấp huyện hoàn thành việc xử lý, duyệt hồ sơ và chuyển dữ liệu điện tử đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân lên Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trong thời hạn như sau:

a) Đối với thành phố, thị xã thì trong thời hạn 1,5 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, đổi thẻ Căn cước công dân và 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại thẻ Căn cước công dân, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

b) Đối với các huyện miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

c) Đối với các khu vực còn lại: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

### **2. Tại Công an cấp tỉnh:**

a) Đối với dữ liệu điện tử do Công an cấp huyện chuyển lên thì ngay trong ngày đối với trường hợp cấp, đổi và 02 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại, kể từ khi nhận đủ dữ liệu điện tử, Công an cấp tỉnh phải hoàn thành việc xử lý và chuyển dữ liệu điện tử lên Trung tâm căn cước công dân quốc gia.

b) Đối với hồ sơ do Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

tiếp nhận thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, phải hoàn thành việc xử lý và chuyển dữ liệu điện tử lên Trung tâm căn cước công dân quốc gia.

3. Tại **Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư**:

a) Đối với dữ liệu điện tử do Công an cấp tỉnh chuyển lên thì trong thời hạn 02 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, đổi và 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại, kể từ khi nhận đủ dữ liệu điện tử, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội<sup>11</sup> phải hoàn thành việc xử lý, phê duyệt, in hoàn chỉnh thẻ Căn cước công dân.

b) Đối với hồ sơ do Trung tâm căn cước công dân quốc gia tiếp nhận thì trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ, phải hoàn thành việc xử lý, phê duyệt, in hoàn chỉnh thẻ Căn cước công dân.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi in hoàn chỉnh thẻ Căn cước công dân, thẻ Căn cước công dân phải được chuyển phát về đến nơi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN<sup>12</sup>**

#### **Điều 13. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2016 và thay thế Thông tư số 07/2014/TT-BCA ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình cấp, đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân.

---

<sup>11</sup> Cụm từ “Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư” được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội” theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

<sup>12</sup> Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân quy định như sau:

**“Điều 2. Hiệu lực thi hành**

*Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.*

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

*Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để có hướng dẫn kịp thời./.”*

## **Điều 14. Trách nhiệm thi hành<sup>14</sup>**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để có hướng dẫn kịp thời. *VT*

**BỘ CÔNG AN**

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: *05* /VBHN-BCA

Hà Nội, ngày *22* tháng *4* năm 2020

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo và đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ);
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03(P4).



**Đại tướng Tô Lâm**

<sup>14</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 48/2019/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.